CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2023

CTCP Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex

Ngày 15/01/2024	600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**0%**	**-**

DT thuần
Q4/23
4.60
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.04| -30.7%
YoY: ▼2.77| -37.6%

LN thuần
Q4/23
-26.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.60| 5.7%
YoY: ▼13.9| -108%

LN sau thuế
Q4/23
-27.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.50| 5.4%
YoY: ▼13.9| -106%

Tỷ lệ lãi EBIT
2023
-16.8%
YoY: +/-▲ 16.2%

ROE
2023
10.5%
YoY: +/-▲ 3.4%

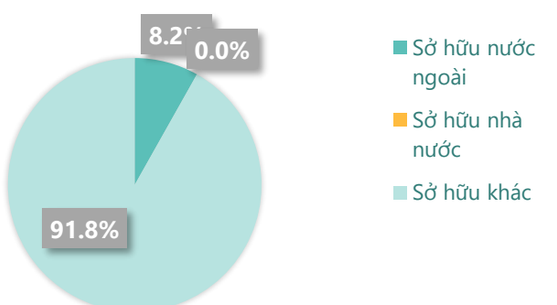
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	400 - 1,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	12
Số lượng CPLH (CP)	20,799,927
KLGD BQ 20 phiên (CP)	6,290
Sở hữu nước ngoài	8.2%
Beta	1.16
EPS	-6,849
P/E	-0.1

DT thuần
2023
20.7
tỷ VNĐ
YoY: ▼2.60| -11.0%

LN thuần
2023
-143
tỷ VNĐ
YoY: ▼58.1| -68.6%

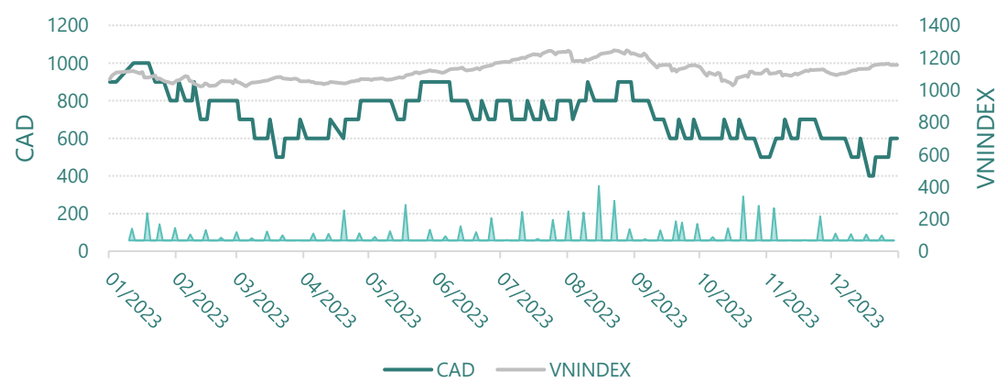
LN sau thuế
2023
-142
tỷ VNĐ
YoY: ▼54.5| -62.8%

Cơ cấu sở hữu

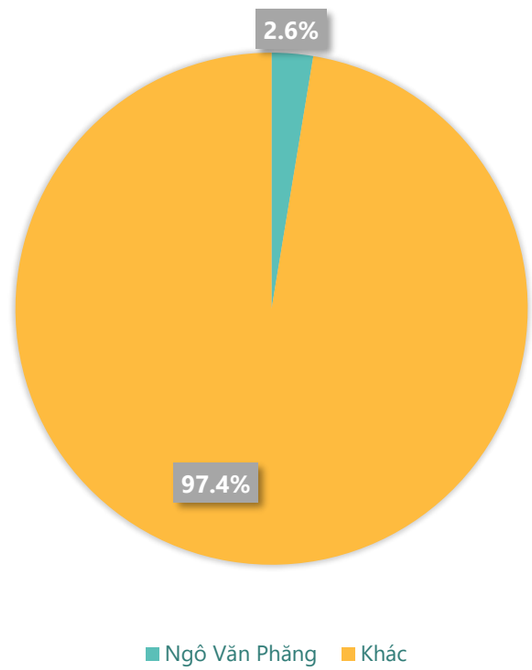


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



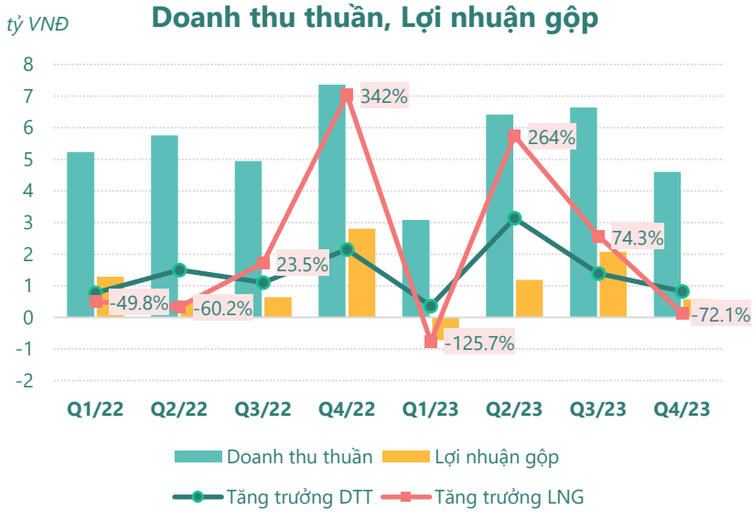
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

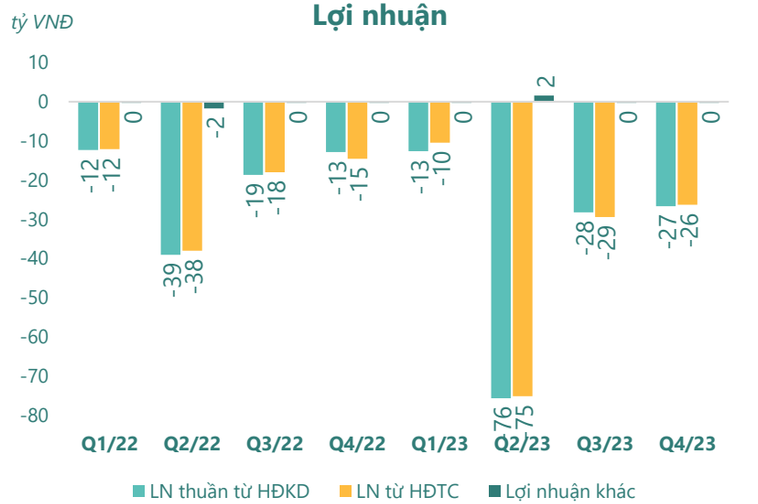
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



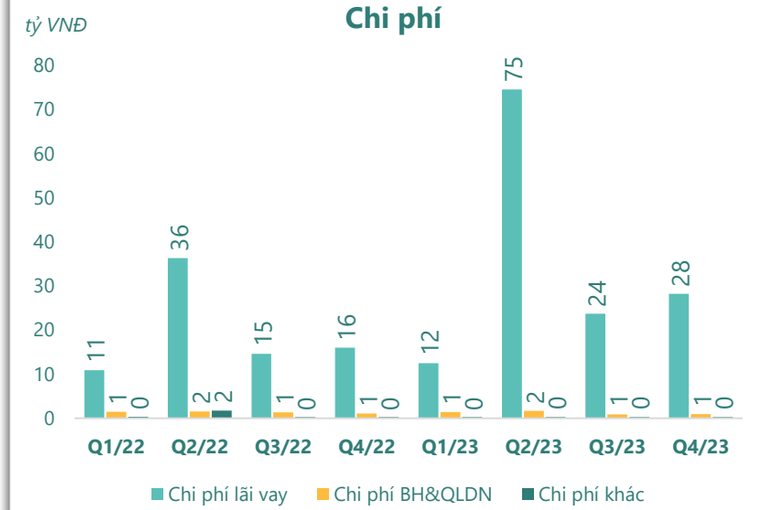
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



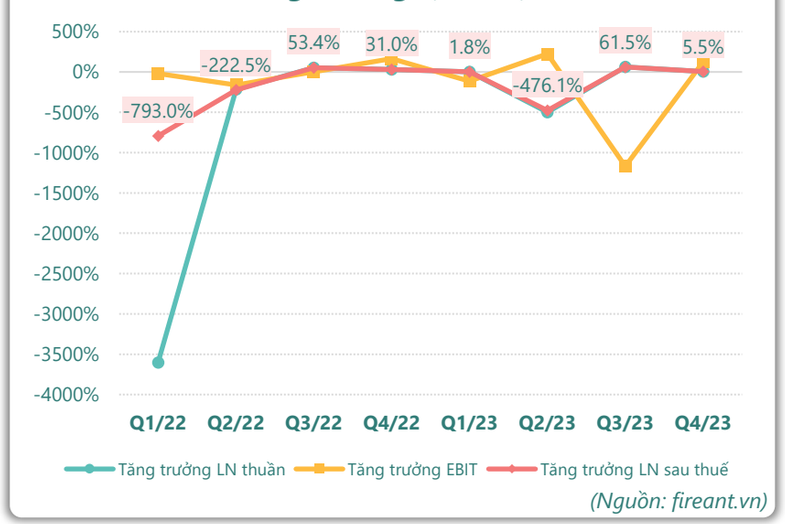
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



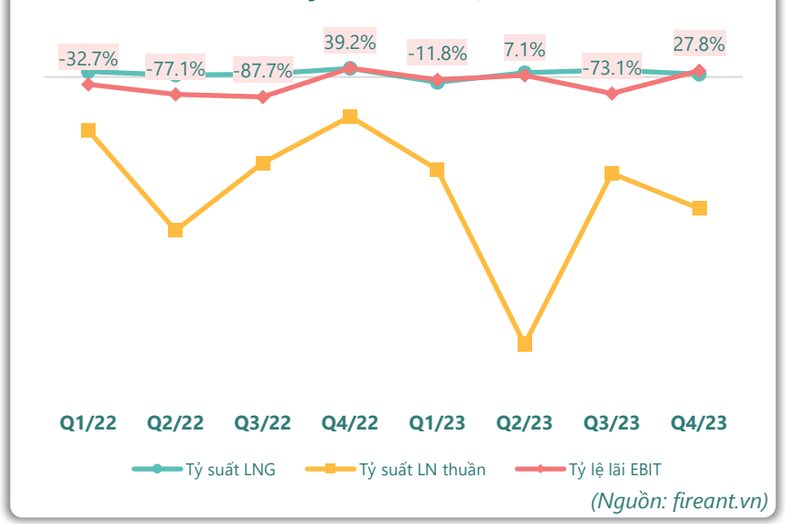
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



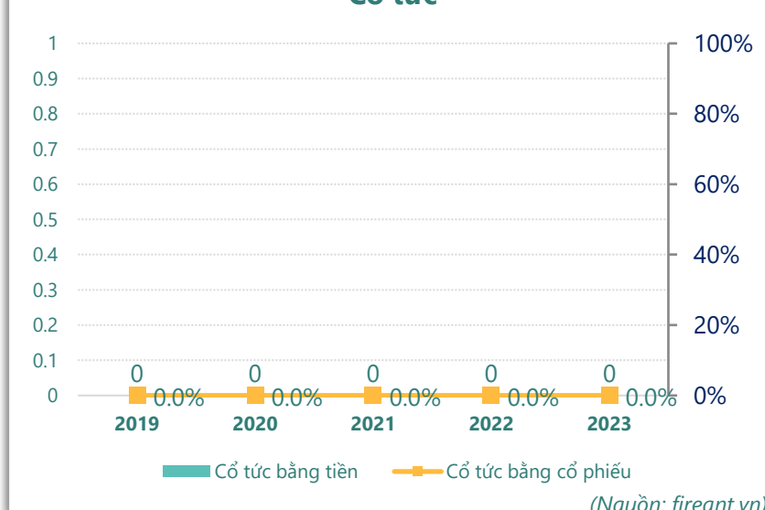
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

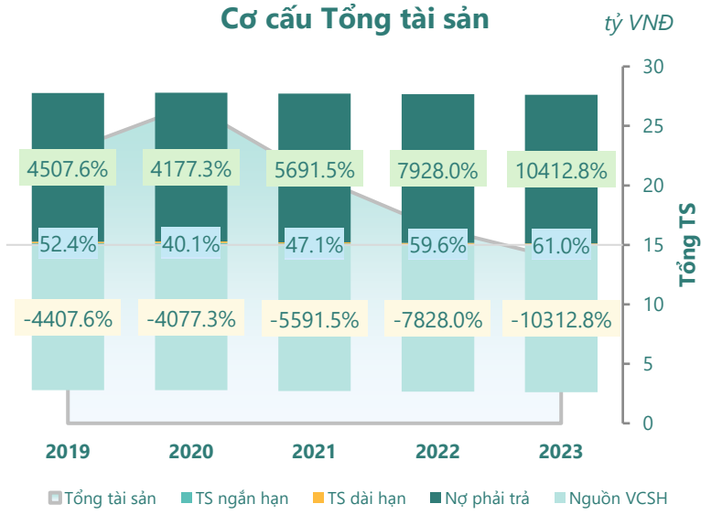
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

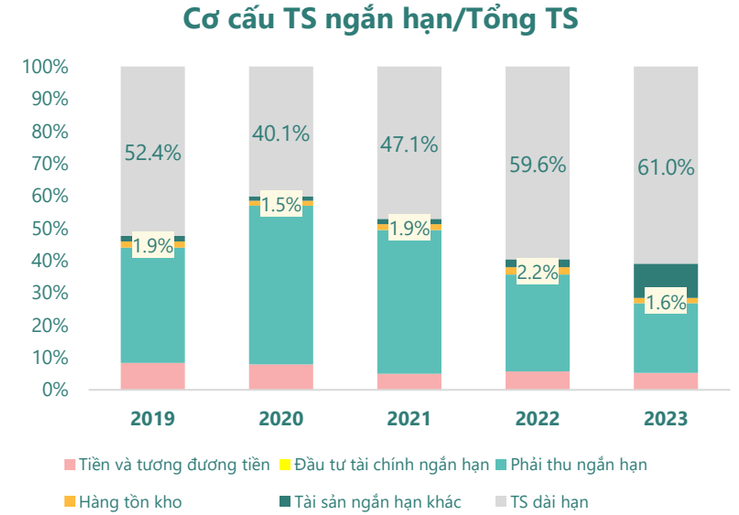
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



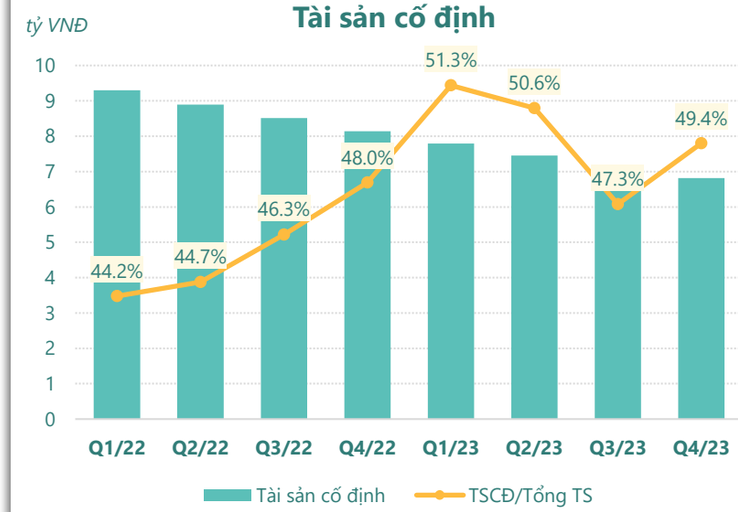
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



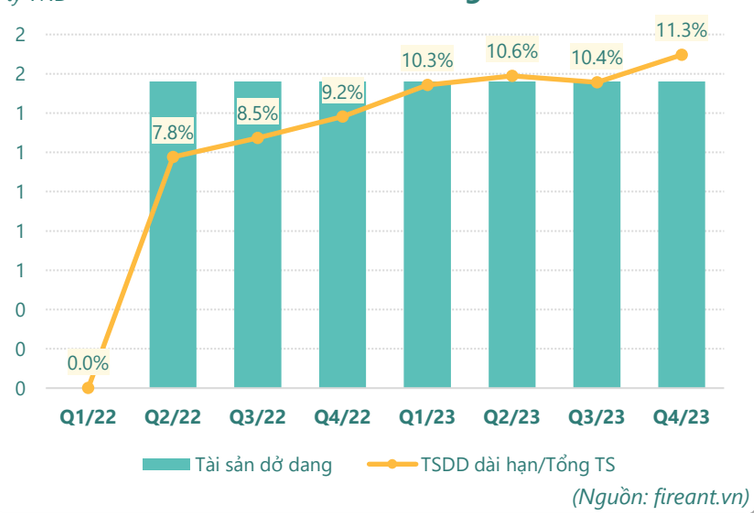
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



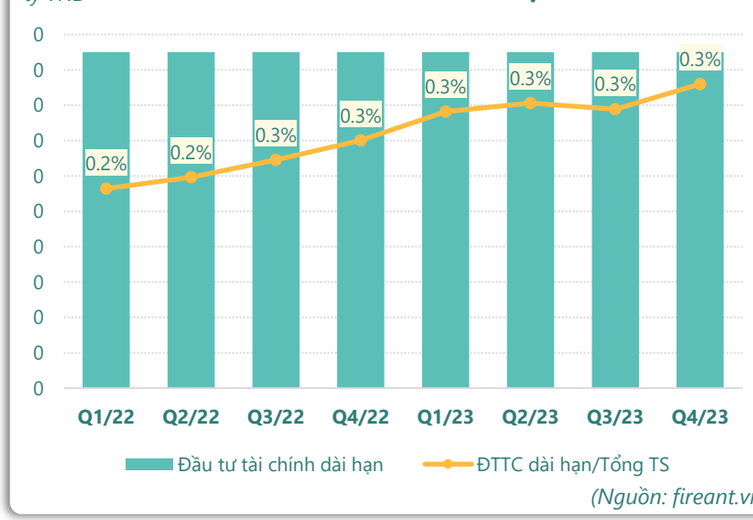
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

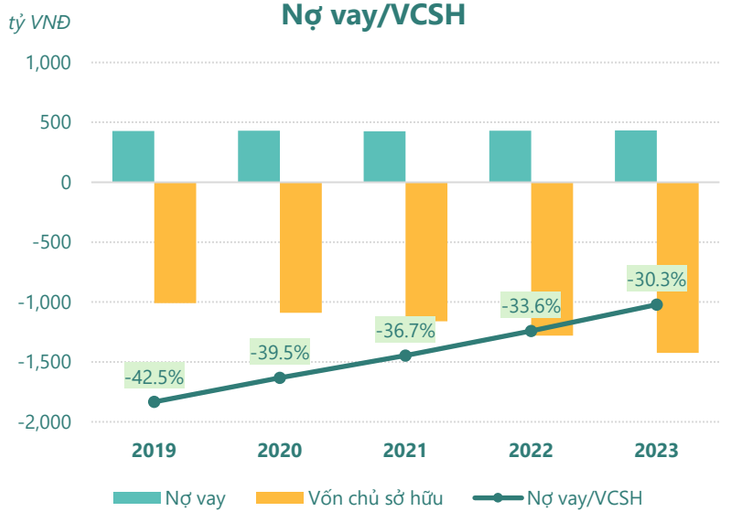
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



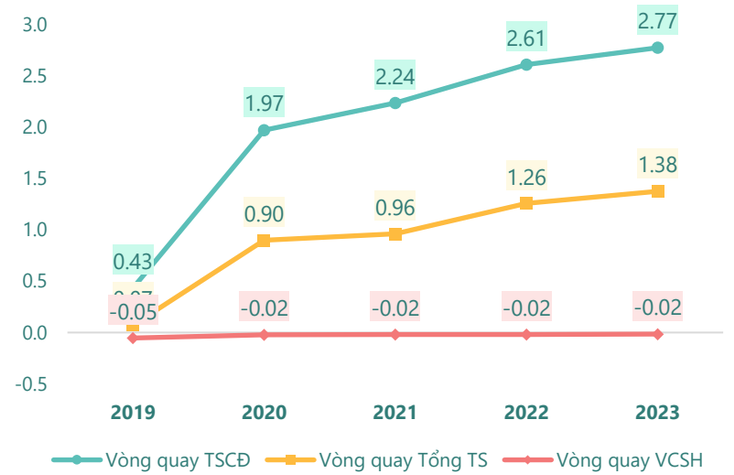
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



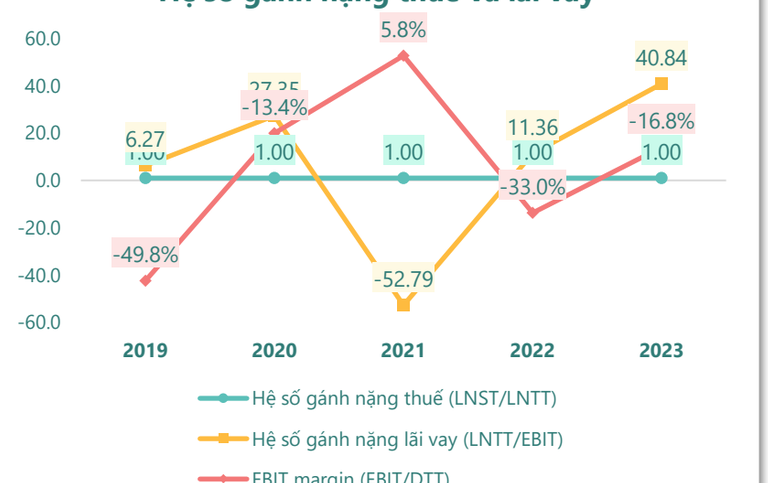
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



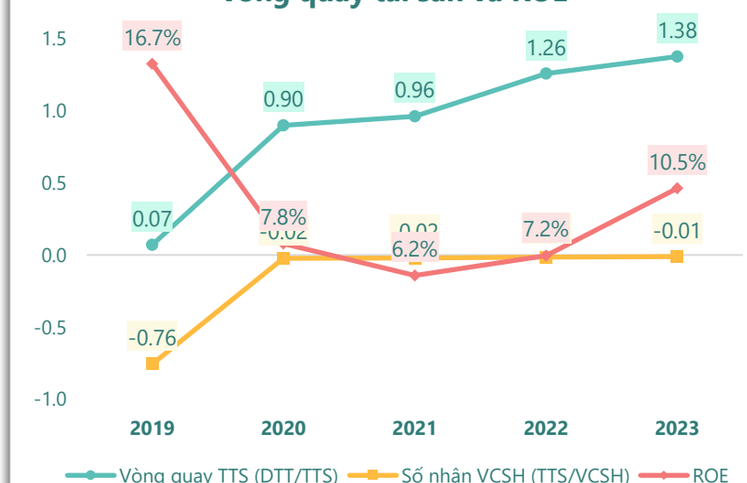
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



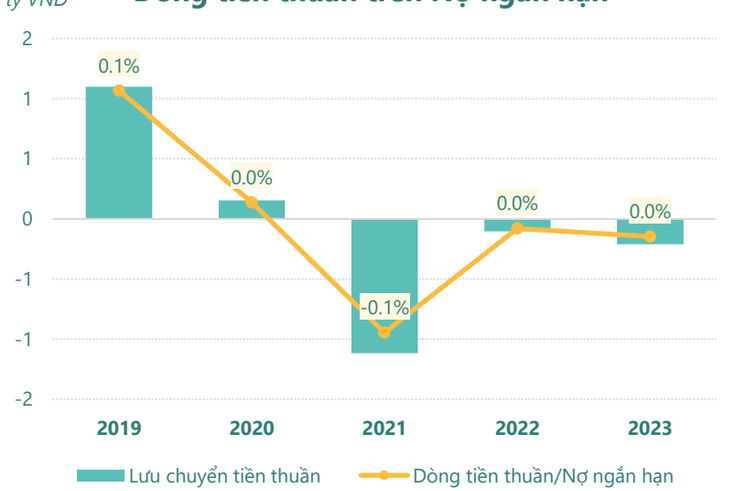
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q4/22	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**4.60**	**7.37**	**-37.6%**	**20.7**	**23.3**	**-11.0%**
Giá vốn hàng bán	4.02	4.56	-11.8%	17.6	18.1	-2.4%
Lợi nhuận gộp	0.58	2.81	-79.4%	3.11	5.25	-40.7%
Doanh thu HĐTC	2.04	1.49	36.9%	3.62	0.00	378311%
Chi phí TC	28.3	16.1	76.0%	145	84.6	71.3%
Chi phí lãi vay	28.2	16.0	76.5%	139	79.8	74.2%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.07	0.08	-9.6%	0.24	0.62	-61.7%
Chi phí QLDN	**0.88**	**0.97**	**-8.8%**	**4.68**	**4.89**	**-4.2%**
LN thuần từ HĐKD	-26.7	-12.8	-108%	-143	-84.9	-68.6%
Lợi nhuận khác	**-0.28**	**-0.27**	**-5.4%**	**0.72**	**-2.59**	**128%**
LN trước thuế	-27.0	-13.1	-106%	-142	-87.5	-62.8%
Lợi nhuận sau thuế	**-27.0**	**-13.1**	**-106%**	**-142**	**-87.5**	**-62.8%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-27.0**	**-13.1**	**-106%**	**-142**	**-87.5**	**-62.8%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/22	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.40	-0.07	-0.28	0.27	0.42	-0.61
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.00	0.00	0.82	-0.82	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	-0.82	0.82	0
Tiền đầu kỳ	1.41	1.01	0.94	0.65	0.92	1.34
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.40**	**-0.07**	**-0.28**	**0.27**	**0.42**	**-0.61**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	1.01	0.94	0.65	0.92	1.34	0.73

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
TỔNG TÀI SẢN	**13.8**	**16.4**	**-15.6%**
Tài sản ngắn hạn	5.38	6.61	-18.6%
Tiền và tương đương tiền	0.73	0.94	-22.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	2.97	4.90	-39.3%
Hàng tồn kho	0.23	0.37	-38.6%
Tài sản ngắn hạn khác	1.46	0.41	255%
Tài sản dài hạn	**8.43**	**9.75**	**-13.6%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	6.82	8.14	-16.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.56	1.56	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.05	0.05	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0**	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,438	1,297	10.8%
Nợ ngắn hạn	**1,437**	**1,296**	**10.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	432	431	0.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	24.1	24.0	0.5%
Nợ dài hạn	1.08	1.08	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**-1,424**	**-1,281**	**-11.2%**
Vốn chủ sở hữu	**-1,424**	**-1,281**	**-11.2%**
Vốn điều lệ	208	208	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)